

ALỐC

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09 /CT-UBND

Đồng Nai, ngày 13 tháng 7 năm 2018

CHỈ THỊ

Về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019

Năm 2019, là năm thứ 4 thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ X; Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh 05 năm 2016 - 2020. Bên cạnh những điều kiện thuận lợi; tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh cũng đối mặt với những khó khăn và thách thức, đó là: Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội chưa đồng bộ; tình hình ô nhiễm môi trường thách thức ứng phó với biến đổi khí hậu theo chiều hướng khắc nghiệt, thiên tai, dịch bệnh vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống dân cư.

Thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 24/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước tập trung triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 với các yêu cầu, nhiệm vụ, nội dung chủ yếu sau:

A. YÊU CẦU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

1. Tổ chức đánh giá nghiêm túc tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước 06 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2018, trong đó làm rõ các kết quả đạt được so với mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra; các tồn tại, hạn chế, trong đó phân tích các nguyên nhân khách quan và chủ quan, các giải pháp khắc phục trong những tháng cuối năm. Tập trung đánh giá kết quả thực hiện các Nghị quyết: Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 10/01/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X về chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2018; Nghị quyết số 82/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mục tiêu, giải pháp thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh Đồng Nai năm 2018; Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và mức bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2018; Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2018; Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

2. Trên cơ sở kết quả đạt được trong những năm qua, căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020 đã đề ra, dự báo sát với tình hình thế giới, trong nước và địa phương, những cơ hội, thách thức đối với ngành, lĩnh vực để có giải pháp ứng phó phù hợp, hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực có thể xảy ra; xác định mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước trong năm 2019.

3. Việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 phải đảm bảo tính khả thi, phải phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước trung hạn 05 năm 2016 - 2020, Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020; các Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, của Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020.

4. Việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 phải đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị.

5. Bảo đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng và hiệu quả; tăng cường trách nhiệm giải trình trong xây dựng kế hoạch và phân bổ nguồn lực, ngân sách nhà nước.

B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019.

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Giữ vững ổn định kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, phấn đấu đạt tốc độ tăng tổng sản phẩm của tỉnh (GRDP) năm 2019 khoảng 8 - 9%. Chú trọng chất lượng tăng trưởng, bền vững, hiệu quả và sáng tạo; nâng cao năng suất lao động; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực cạnh tranh. Đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đột phá chiến lược; thực hiện tốt tái cơ cấu kinh tế và các ngành, lĩnh vực; đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn lực chất lượng cao, phát triển khoa học công nghệ, phát huy đổi mới, sáng tạo và đẩy mạnh khởi nghiệp. Chú trọng phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường và cải thiện đời sống nhân dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí; chủ động tích cực hội nhập quốc tế. Cùng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

II. ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện năm 2018, bám sát mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước (3 năm) 2018 - 2020 và Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016 - 2020 của UBND tỉnh để xây dựng các chỉ tiêu, nhiệm vụ cho năm 2019.

1. Về phát triển kinh tế:

a) Thực hiện đồng bộ các chính sách tiền tệ linh hoạt, hiệu quả trên địa bàn tỉnh; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách và đầu tư công, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản. Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng hiệu quả, bền vững; tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, đảm bảo chi cho con người, an sinh xã hội và chi cho quốc phòng, an ninh; huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phục vụ cho phát triển nền kinh tế.

Chủ động thực hiện các giải pháp quản lý thị trường ngoại tệ, thị trường vàng có hiệu quả, hạn chế những biến động bất lợi. Điều hành tín dụng theo hướng kiểm soát tăng trưởng tín dụng hợp lý, nâng cao chất lượng, tập trung cho các lĩnh vực ưu tiên, khu vực sản xuất, kinh doanh; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Tăng cường các giải pháp hỗ trợ cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh và theo chương trình cho vay hỗ trợ xuất khẩu, cho vay theo chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp; đảm bảo sự tiếp cận tài chính có chất lượng cho các doanh nghiệp siêu nhỏ, các hộ gia đình nghèo và người có thu nhập thấp trên địa bàn. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức tín dụng, xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định.

b) Quyết liệt thực hiện tái cơ cấu kinh tế và các ngành, lĩnh vực.

- Đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng trong tất cả các ngành, lĩnh vực, theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn, trong đó tập trung hoàn thành cơ cấu lại ba trọng tâm gồm: Cơ cấu lại đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức tín dụng. Chú trọng nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của đầu tư công và chất lượng quản lý đầu tư công, thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển. Tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu. Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tổng công ty nhà nước, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước, thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước theo kế hoạch.

- Phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng cơ cấu lại lĩnh vực, sản phẩm theo lợi thế địa phương và nhu cầu thị trường; tập trung phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất với tiêu thụ nông sản; bổ sung điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp, tăng đào tạo lao động cho nông thôn, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, nâng cao thu nhập trên cùng diện tích; phát

triển công nghiệp bảo quản, chế biến, vừa nâng cao hiệu quả sản xuất, vừa tiêu thụ kịp thời nông sản cho nông dân và đa dạng hóa sản phẩm cho tiêu dùng; khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh và ứng dụng công nghệ cao; tăng cường ứng dụng cơ giới hóa trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng loại cây trồng, vật nuôi. Quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp, nông sản. Triển khai có hiệu quả chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, chính sách bảo hiểm nông nghiệp, chính sách khuyến nông.

- Thúc đẩy cơ cấu lại công nghiệp; phát triển sản xuất công nghiệp theo chiều sâu để từng bước tạo ra những sản phẩm có sức cạnh tranh; nâng cao sự đóng góp của khoa học và công nghệ vào các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao, có lợi thế cạnh tranh. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng chú trọng phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, ít tiêu hao năng lượng và thân thiện môi trường. Thúc đẩy đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất, chủ động tham gia và tận dụng thành quả của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để nâng cao năng suất lao động, phát triển các ngành công nghiệp mới, công nghiệp chủ lực có lợi thế. Hoàn thành đúng tiến độ các chương trình, kế hoạch ngành công nghiệp.

- Đẩy mạnh cơ cấu phát triển các ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức, công nghệ và giá trị gia tăng cao. Tập trung phát triển hạ tầng du lịch, các dịch vụ phục vụ du lịch. Chú trọng phát triển bền vững nguồn hàng xuất khẩu, vận dụng phù hợp các quy định và cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế để bảo vệ lợi ích chính đáng của doanh nghiệp và người dân trong nước. Phát triển thị trường nội địa. Tận dụng tối đa các lợi thế và giảm thiểu các tác động bất lợi trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đã ký kết.

c) Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ đột phá trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020:

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình Phát triển kết cấu hạ tầng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020, tăng cường huy động các nguồn lực, tạo bước phát triển mạnh mẽ trong đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, nhất là các công trình trọng điểm trên địa bàn, đảm bảo triển khai đầu tư đúng tiến độ. Triển khai thực hiện nhanh và hiệu quả công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Rà soát, xây dựng quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch và các chỉ đạo của Chính phủ. Triển khai thực hiện có hiệu quả pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức tham gia đầu tư, các công trình cấp nước sạch phục vụ dân sinh và các thiết chế văn hóa phục vụ người lao động.

- Tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình tổng thể đào tạo phát triển nguồn nhân lực tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020, trong đó chú trọng các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao

động của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính theo hướng xây dựng nền hành chính hiện đại, đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất và năng lực, hệ thống các cơ quan nhà nước hoạt động có hiệu lực, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển toàn diện, bền vững của tỉnh.

d) Bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng; phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế.

- Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, giảm tối đa các chi phí trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, tạo điều kiện để giảm chi phí đầu vào, khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh đã đề ra tại các nghị quyết của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo chuyển biến rõ nét, nhất là các nhóm chỉ tiêu xếp hạng thấp. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 7912/KH-UBND ngày 31/8/2016 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, trong đó tập trung hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhanh chóng hấp thụ và phát triển được các công nghệ sản xuất mới.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Chuyển giao công nghệ, các luật có liên quan và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đặc biệt là trong các lĩnh vực thuế, hải quan, kho bạc nhà nước, bảo hiểm xã hội..., giảm tối đa các cuộc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán gây chông chéo, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

đ) Triển khai đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch, trong đó tập trung chủ động nghiên cứu, rà soát, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 theo quy định của Luật Quy hoạch.

2. Về phát triển xã hội

a) Về thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo đảm an sinh xã hội: Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Phát triển hệ thống an sinh xã hội. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, ưu tiên nguồn lực phát triển các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các vùng khó khăn. Chú trọng giải quyết việc làm gắn với phát triển thị trường

lao động. Quản lý hiệu quả, chặt chẽ công tác đưa lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. Thực hiện hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa XII) về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội. Mở rộng diện bao phủ, nâng cao hiệu quả của hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Thực hiện hiệu quả, kịp thời các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội.

b) Về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân: Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Cùng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động mạng lưới y tế cơ sở, chăm sóc sức khỏe ban đầu. Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực y tế. Chủ động, tích cực phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh lớn xảy ra, từng bước thực hiện quản lý sức khỏe đến từng người dân và quản lý các bệnh mãn tính, bệnh không lây nhiễm tại y tế cơ sở. Tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, môi trường y tế. Bảo đảm cung ứng đủ về số lượng, an toàn về chất lượng thuốc, vắc xin, sinh phẩm và trang thiết bị y tế với giá cả hợp lý phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Đổi mới cơ chế tài chính, mở rộng quyền tự chủ về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập; gắn việc điều chỉnh giá dịch vụ y tế với lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân.

c) Về phát triển giáo dục đào tạo: Tập trung đổi mới, tạo chuyên biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế. Đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Nâng cao năng lực nghiên cứu, giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học; tăng cường giáo dục kỹ năng, kiến thức cơ bản, tư duy sáng tạo, khả năng thích nghi với yêu cầu Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực phát triển giáo dục. Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, nhất là các trường ngoài công lập. Tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Đẩy mạnh tự chủ trong các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Tiếp tục thực hiện các biện pháp nâng cao tỷ lệ và chất lượng lao động qua đào tạo.

d) Về phát triển khoa học công nghệ: Tập trung thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển khoa học và công nghệ theo hướng gắn kết chặt chẽ với sự phát triển của ngành, lĩnh vực. Chủ động triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để tăng cường năng lực tiếp cận xu hướng công nghệ tiên tiến, hiện đại của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp. Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp tham gia thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, đặc biệt là các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển các sản phẩm chủ lực theo chuỗi giá trị có tiềm năng xuất khẩu. Ưu tiên triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tiếp cận nguồn vốn cho doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp khởi nghiệp nói riêng.

Đ) Phát triển văn hóa, thể dục thể thao: Tập trung xây dựng con người Việt Nam về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc. Xây dựng

môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, đa dạng, khắc phục các biểu hiện xuống cấp về đạo đức xã hội; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc; đồng thời khuyến khích tự do sáng tạo trong hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa. Tăng cường quản lý các lễ hội, hoạt động văn hóa. Đẩy mạnh phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng, nâng cao thành tích các môn thể thao trọng điểm.

Thực hiện hiệu quả các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Chú trọng công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền lợi của trẻ em; phát triển thanh niên. Chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi, xây dựng và nhân rộng các hình mẫu gia đình văn minh, hạnh phúc.

Thực hiện tốt các chính sách quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Tăng cường công tác quản lý người nghiện và cai nghiện ma túy; nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ sở cai nghiện.

e) Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông theo hướng công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả nhằm tạo sự đồng thuận xã hội, nhất là trong phát triển kinh tế - xã hội; đấu tranh chống lại các thông tin xuyên tạc, sai sự thật, chống phá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản. Thông tin đầy đủ, kịp thời các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại, nhất là về cơ chế, chính sách gắn liền với cuộc sống của người dân và hoạt động của doanh nghiệp.

3. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

a) Tăng cường quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản. Tập trung kiểm soát và khắc phục ô nhiễm môi trường. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm, nhất là tại các khu, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm nặng; giảm thiểu phát thải đối với các doanh nghiệp công nghiệp có nguy cơ ô nhiễm môi trường... Kiên quyết xử lý các cơ sở sử dụng lãng phí năng lượng, tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

b) Đẩy nhanh hoàn thiện lắp đặt hệ thống quan trắc, cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường; thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Tăng cường khả năng điều tiết các nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm, tăng cường khả năng tích nước cho mùa khô.

c) Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững theo Chương trình nghị sự 2030. Làm tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng. Nâng cao khả năng phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

4. Về cải cách hành chính; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

a) Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, phục vụ, kiến tạo phát triển. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình cải cách hành chính tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020; trọng tâm là nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nâng cao chất lượng dịch vụ công. Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức; tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế theo Kế hoạch 141-KH/BCS ngày 16/5/2018 về thực hiện Kế hoạch số 166-KH/TU ngày 02/4/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước gắn với công khai, minh bạch, thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; đề cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan, cán bộ nhà nước. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử. Xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, những nhiễu, vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ.

b) Tăng cường công tác thanh tra, tập trung vào những lĩnh vực như quản lý đất đai, tài sản công, đầu tư xây dựng, sử dụng NSNN. Thực hiện tốt Luật Tiếp công dân, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; tập trung giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, nhất là các vụ việc đông người, phức tạp, kéo dài, không để trở thành “điểm nóng”, gây mất an ninh trật tự.

c) Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Nâng cao hiệu quả phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng. Đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử, xử lý nghiêm minh các tổ chức, cá nhân có sai phạm.

5. Về quốc phòng, an ninh và công tác đối ngoại

a) Tiếp tục củng cố tiềm lực, quốc phòng an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc gắn kết chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân, diễn tập khu vực phòng thủ. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chú trọng vùng sâu, vùng xa.

b) Tăng cường giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Nắm chắc tình hình, chủ động đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ.

c) Tập trung giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc; đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Tăng cường các biện pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn và ùn tắc giao thông ở địa bàn thành thị, khu vực đông dân cư. Thực hiện tốt công tác bảo đảm phòng cháy, chữa cháy, nhất là tại các chung cư, nhà cao tầng, trung tâm thương mại, cơ sở sản xuất, hộ gia đình; tổ chức diễn tập, nâng cao ý thức phòng cháy, chữa cháy cho người dân.

d) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả đường lối, chính sách đối ngoại, hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; đẩy mạnh

triển khai đồng bộ các hoạt động đối ngoại. Tăng cường kết nối, tranh thủ các nguồn lực quốc tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

6. Về đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện các nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và các chương trình, đề án, kế hoạch của UBND tỉnh.

a) Triển khai đánh giá tình hình thực hiện về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020; Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng hiệu quả năng lực cạnh tranh đến năm 2020, trong đó tập trung đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội, tái cơ cấu kinh tế; phân tích, đánh giá những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế, xã hội, môi trường, cải cách hành chính, quốc phòng, an ninh..., các tồn tại, hạn chế; phân tích các nguyên nhân khách quan và chủ quan trong các năm 2016, 2017 và ước thực hiện 2018.

b) Dự báo tình hình thế giới và trong nước, những cơ hội, thách thức của những năm còn lại của giai đoạn 2018 - 2020, xây dựng các giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng hiệu quả năng lực cạnh tranh đến năm 2020 đã đề ra.

III. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019.

Mục tiêu cho công tác xây dựng dự toán NSNN năm 2019 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019 - 2021 là: Tiếp tục thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, duy trì tăng trưởng nhanh, bền vững; thực hiện cơ cấu lại ngân sách theo các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ gắn với việc sắp xếp lại bộ máy tổ chức, tinh giản biên chế, đổi mới khu vực sự nghiệp công; siết chặt kỷ cương, kỷ luật ngân sách, mở rộng cơ sở thuế, tăng cường quản lý thu; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, các nguồn lực công.

Theo đó, các nhiệm vụ đặt ra đối với công tác dự toán NSNN năm 2019 và xây dựng kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019 - 2021 như sau:

1. Đối với dự toán NSNN năm 2019

a) Dự toán thu ngân sách nhà nước

- Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, các doanh nghiệp có vốn nhà nước xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2019 theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, trên cơ sở đánh giá khả năng thực hiện thu ngân sách năm 2018, những nhân tố tác động làm thay đổi tình hình đầu tư, phát triển sản xuất - kinh doanh và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu năm 2019; tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu; tính toán cụ thể các yếu tố ảnh hưởng đến tăng, giảm thu; các khoản thu được miễn, giảm, gia hạn theo các

Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ. Đồng thời, thực hiện các biện pháp cải cách, hiện đại hóa công tác quản lý thu, tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại, quản lý chặt chẽ giá tính thuế, phát hiện và ngăn chặn các hành vi chuyển giá, trốn lậu thuế; tăng cường xử lý nợ đọng thuế.

- Trên cơ sở đó, đặt mục tiêu huy động vào ngân sách nhà nước năm 2018 từ thuế, phí khoảng 21% GRDP. Dự toán thu nội địa (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết) tăng bình quân tối thiểu 12 - 14% so với ước thực hiện năm 2018 (đã loại trừ các yếu tố tác động do thay đổi chính sách) và không thấp hơn tỷ lệ tăng Trung ương giao cho tỉnh. Dự toán thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu tăng bình quân tối thiểu 4 - 6% so với đánh giá ước thực hiện năm 2018.

Dự toán thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được xây dựng trên cơ sở kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

b) Dự toán chi ngân sách nhà nước

Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2019 phù hợp với các mục tiêu cơ cấu lại ngân sách giai đoạn 2016 - 2020 theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII), các Nghị quyết số 25/2016/QH14, số 26/2016/QH14 của Quốc hội. Do đó, các sở, ban, ngành và địa phương cần quán triệt quan điểm thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, minh bạch ngay từ khâu xác định nhiệm vụ; chủ động sắp xếp thứ tự các nhiệm vụ chi ưu tiên theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2019. Chi trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước.

Khi xây dựng dự toán và bố trí ngân sách nhà nước năm 2019, các sở, ban, ngành và địa phương cần chú ý các nội dung sau:

- Chi đầu tư phát triển

+ Chi đầu tư phát triển nguồn NSNN (bao gồm vốn ODA, vốn viện trợ, vốn Trái phiếu Chính phủ, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu từ bán vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp, nguồn thu tiền sử dụng đất) phải phục vụ mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2016 - 2020.

+ Việc bố trí vốn kế hoạch chi đầu tư phát triển nguồn NSNN phải thực hiện đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn; rà soát, đánh giá lại kế hoạch đầu tư công trung hạn, kiến nghị điều chỉnh trong phạm vi tổng mức kế hoạch đã được phê duyệt cho phù hợp với yêu cầu

phát triển mới; ưu tiên bố trí dự toán năm 2019 để thanh toán nợ xây dựng cơ bản, thu hồi vốn ứng trước, bố trí vốn cho các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2019, đầu tư cho các chương trình mục tiêu đã được phê duyệt. Chương trình, dự án bố trí kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2019 phải có trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn, trừ dự án khẩn cấp theo quy định của Luật Đầu tư công.

+ Toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất) và số thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (sau khi trừ chi phí liên quan) phải nộp NSNN và được ưu tiên bố trí trong dự toán chi NSNN cho mục đích đầu tư phát triển theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn luật. Các sở, ban, ngành và địa phương lập dự toán thu, chi NSNN năm 2019 từ nguồn thu này gửi cơ quan kế hoạch và đầu tư, cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp dự toán NSNN trình cấp có thẩm quyền quyết định.

- Chi thường xuyên:

+ Xây dựng dự toán chi thường xuyên theo các lĩnh vực cụ thể, đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, bao gồm cả các chính sách đối với các đối tượng nghèo đa chiều theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

+ Trên tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương (khóa XII) và Kết luận 17-KL/TW ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015 - 2016, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017 - 2021, thực hiện rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, giảm đầu mối, tránh chồng chéo; triệt để tiết kiệm các khoản chi ngân sách; rà soát sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết; hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, mở rộng thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài; đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng hiện đại gắn với Cách mạng công nghiệp 4.0.

+ Đẩy nhanh việc đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII); đẩy mạnh việc đặt hàng, giao nhiệm vụ cho đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo khối lượng, đơn giá được phê duyệt và nghiệm thu theo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu:

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình, tổng mức vốn, kinh phí giai đoạn 2016 - 2020 đã được duyệt, mức đã bố trí giai đoạn 2016 - 2018 và khả năng thực hiện, các bộ, cơ quan Trung ương được giao quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu hướng dẫn các bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương lập dự toán vốn, kinh phí thực hiện chương trình phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ năm 2019; đồng thời, tổng hợp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính đăng ký thực hiện.

- Đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài:

Căn cứ quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn thi hành, căn cứ Hiệp định đã ký với nhà tài trợ, tiến độ khả năng thực hiện dự án năm 2019 và trong phạm vi hạn mức vốn ngoài nước trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020; trên cơ sở cơ chế tài chính của các chương trình, dự án, các sở, ban, ngành và các địa phương và các đơn vị chủ đầu tư thực hiện lập dự toán các chương trình, dự án có sử dụng vốn ngoài nước, chi tiết vốn vay nợ nước ngoài (bao gồm vay ODA, vay ưu đãi), vốn viện trợ, vốn đối ứng; phân định theo tính chất chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp; ưu tiên bố trí đủ kế hoạch vốn cho các dự án kết thúc hiệp định trong năm kế hoạch; không đề xuất ký kết các hiệp định vay mới cho chi thường xuyên. Đối với các chương trình, dự án hỗn hợp cả cấp phát và cho vay lại phải làm rõ mức vốn cho từng phần.

- Lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương: Các sở, ban, ngành và địa phương tiếp tục lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương bao gồm: Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); 50% nguồn tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết); một phần nguồn thu được để lại theo chế độ quy định; nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư;...); nguồn dành ra do triển khai thực hiện các Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII).

- Việc bố trí dự phòng ngân sách theo đúng quy định của Luật NSNN năm 2015 để chủ động ứng phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

- Các sở, ban, ngành và địa phương báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2018 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2019 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật NSNN năm 2015 và các văn bản hướng dẫn.

c) Xây dựng dự toán ngân sách địa phương

Ngoài thực hiện theo đúng các yêu cầu tại các Điểm a, b, khoản 1, Mục III của Chỉ thị này, việc xây dựng dự toán ngân sách địa phương các cấp năm 2019 còn phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Dự toán thu NSNN trên địa bàn: Các cơ quan tài chính, thuế, hải quan, phối hợp với các cơ quan liên quan chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh trong việc xây dựng dự toán thu ngân sách với yêu cầu tích cực, sát thực tế phát sinh, tổng hợp đầy đủ các khoản thu ngân sách mới trên địa bàn.

- Dự toán chi ngân sách địa phương: Căn cứ vào dự kiến nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, số bổ sung cân đối từ ngân sách Trung ương cho địa phương (nếu có) và trên cơ sở mục tiêu kế hoạch phát triển

kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2016 - 2020 và mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2019; căn cứ thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách của địa phương năm 2017, ước thực hiện năm 2018, xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương (chi đầu tư, chi thường xuyên) chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành.

- Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: Dự toán sát nguồn thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả số thu được phân chia từ hoạt động xổ số điện toán) và sử dụng toàn bộ nguồn thu này cho chi đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên để đầu tư lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, y tế, xây dựng nông thôn mới theo quy định; sau khi đã bố trí vốn bảo đảm hoàn thành các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực trên, được bố trí cho các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu (nếu có) và các dự án quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương.

- Đối với bội chi/bội thu, vay và trả nợ của ngân sách địa phương:

+ Địa phương chỉ được phép đề xuất mức bội chi ngân sách cấp tỉnh khi đáp ứng đủ các quy định và điều kiện theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, thực hiện đánh giá đầy đủ tác động của nợ ngân sách địa phương, nhu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển và khả năng trả nợ trong trung hạn của ngân sách địa phương trước khi đề xuất các khoản vay mới.

+ Đối với các dự án ODA và vay ưu đãi, các sở, ban, ngành, địa phương và chủ đầu tư chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan để hoàn thiện các thủ tục và ký kết Hiệp định làm cơ sở bố trí kế hoạch vốn trong dự toán năm 2019; dự kiến khả năng giải ngân của từng khoản vay để tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch vay nợ và bội chi ngân sách địa phương cho phù hợp.

+ Các địa phương chủ động bố trí nguồn để trả nợ đầy đủ các khoản nợ (cả gốc và lãi) đến hạn, đặc biệt là các khoản vay từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài về cho vay lại (nếu có).

2. Đối với kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019 - 2021

Trên cơ sở kế hoạch 05 năm về phát triển kinh tế - xã hội, tài chính và đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020; căn cứ các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu trong thời gian 02 năm còn lại của kế hoạch 05 năm 2016 - 2020, Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018 - 2020; Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019 - 2021 và chương trình quản lý nợ 03 năm cấp tỉnh theo quy định của Luật NSNN năm 2015, Luật Quản lý nợ công sửa đổi và các văn bản hướng dẫn; Các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh thực hiện việc lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019 - 2021 thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp để tổng hợp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Trong quá trình lập kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2019 - 2021, cần rà soát, cập nhật, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu cơ cấu lại ngân sách nhà

nước, nợ công đã đề ra cho cả giai đoạn 2016 - 2020, đề xuất các giải pháp phân đầu phát triển quy mô ngân sách theo hướng an toàn, bền vững. Trên cơ sở mục tiêu, kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII), tính toán đầy đủ các tác động, xác định nguồn lực ngân sách có thể dành ra từ sắp xếp lại bộ máy tổ chức, tinh giản biên chế, đổi mới khu vực sự nghiệp công để tạo nguồn cải cách tiền lương theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa XII).

IV. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

1. Về kế hoạch đầu tư công năm 2019

Xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2019 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung có hiệu lực (nếu có) và các văn bản hướng dẫn thi hành luật, trong đó lưu ý các nguyên tắc:

a) Đối với kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Tiết (1) Điểm b Khoản 1 Mục III Chỉ thị này.

b) Đối với kế hoạch đầu tư nguồn thu để lại cho đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước: Tính toán xác định đủ các khoản thu theo quy định của Luật Đầu tư công và các nghị định hướng dẫn thi hành.

c) Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác xây dựng, tổng hợp, giao và triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2019 trên Hệ thống thông tin đầu tư công quốc gia tại địa chỉ <https://dautucong.mpi.gov.vn>.

2. Về rà soát Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020

Căn cứ Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020; căn cứ các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu trong thời gian 02 năm còn lại của kế hoạch 05 năm 2016 - 2020, Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018 - 2020; trên cơ sở Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã được giao, các sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị chủ đầu tư triển khai rà soát các nội dung sau:

a) Đánh giá những kết quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế và khó khăn, thách thức sau 03 năm thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

b) Dự kiến tình hình thực hiện và khả năng giải ngân của từng dự án đã được giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn, tổng hợp tình hình thực hiện và khả năng giải ngân các nguồn vốn trong phạm vi tổng số vốn đầu tư công trung hạn đã được giao còn lại trong 02 năm 2019 và 2020.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và những quy định trong Chỉ thị này, ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về

nội dung và tiến độ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018 - 2020, đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020, rà soát kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng hiệu quả năng lực cạnh tranh đến năm 2020 đã đề ra phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước năm 2015. Thời gian báo cáo UBND tỉnh trước ngày 23/7/2018.

2. Cục Thống kê

Chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020 và tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2018.

3. Các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan

Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 2018, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm, đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020, rà soát kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng hiệu quả năng lực cạnh tranh đến năm 2020 của cấp mình theo đúng quy định tại Chỉ thị này và hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

4. Tiến độ xây dựng kế hoạch

a) Trước ngày 23/7/2018, các sở, ban, ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2018; xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, Kế hoạch đầu tư công năm 2019; đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020, rà soát kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng hiệu quả năng lực cạnh tranh đến năm 2020 gửi báo cáo đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp.

b) Trước ngày 31/7/2018: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2018; xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, Kế hoạch đầu tư công năm 2019; đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, rà soát kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng hiệu quả năng lực cạnh tranh đến năm 2020; đồng thời, dự kiến phương án phân bổ các chỉ tiêu kế hoạch và

ngân sách nhà nước báo cáo UBND tỉnh thông qua nội dung báo cáo Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước.

c) Từ tháng 8/2018 đến ngày 10/10/2018: Các sở, ban ngành, địa phương căn cứ kết quả thực hiện 9 tháng và ước cả năm 2018 để rà soát, bổ sung các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2019 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư. Căn cứ theo Thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về dự kiến tổng mức kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2019 của tỉnh; dự kiến kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ, vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương có mục tiêu để phân bổ chi tiết cho các dự án cụ thể, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, các đơn vị liên quan hoàn chỉnh báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25/10/2018 để xem xét trình HĐND tỉnh.

d) Sau khi nhận được quyết định giao Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, Kế hoạch đầu tư công năm 2019 của Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương cho địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính hoàn chỉnh kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến, hoàn chỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua làm cơ sở giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 vào đầu tháng 12/2018.

đ) Trước ngày 31 tháng 12 năm trước, các đơn vị dự toán cấp I ở tỉnh và địa phương phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và cấp dưới.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (hoặc Giám đốc) các doanh nghiệp nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm Chỉ thị này. Chỉ thị này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KHĐT, Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các doanh nghiệp Nhà nước;
- Chánh - Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, TH (các phòng).

CHỦ TỊCH



Đình Quốc Thái